TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 159/2021/HS-ST
Ngày: 27-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:*Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lại

2. Ông Hg Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang-Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2021/HSST ngày 07/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2021/QĐXXST- HS, ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; nơi cư trú: khu Ki, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964 (Đã chết) và bà Chu Thị M; vợ là Nguyễn Thị K, bị cáo có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên toà)

Tiền án: Tại Bản án số 198/HSPT ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn V 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2019.

Tiền sự: Ngày 05/01/2021, Công an xã T, huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành Cnh đối với Nguyễn Văn V về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" với số tiền 750.000 đồng.

** Bị hại:*

1. Anh Giáp Văn P, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh B

2. Anh Hg Văn M, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số X ngách C ngõ V, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh B.

3. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh B

4. Anh Đào Xuân P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh B

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tạ Quang P, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đầu, xã T, huyện V, tỉnh B

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ Dân phố M, thị trấn Nếnh, huyện V, tỉnh B

3. Anh Đỗ Danh T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh B

5. Anh Giáp Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

6. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

7. Bà Giáp Thị T, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh B

8. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh B

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Việt Hà, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh B

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh B

** Người chứng kiến:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 Pt ngày 11/5/2021, tại ngõ vào nhà anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 ở Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh B Công an xã Việt Tiến phát hiện, bắt quả tang và thu thu tại túi quần phía trước bên trái đang mặc của Nguyễn Văn V 02 (hai) gói giấy bạc bên trong mỗi gói chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) gói giấy bạc bên trong chứa 01 (một) viên nén hình tròn màu hồng đỏ và 01 (một) gói giấy bạc bên trong chứa 02 (hai) viên nén hình tròn màu hồng đỏ. Tất cả được niêm phong trong phong bì có ký hiệu "QT". Quá trình bắt quả tang, Nguyễn Văn V tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số Imel: 358925076305461.

Tại Kết luận giám định số 783/KL-KTHS ngày 12/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh B kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc là ma túy, có tổng khối lượng 0,121 gam, loại Methamphetamine.

- 03 viên nén màu hồng đỏ đựng trong 02 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc, trong đó: 01 gói đựng 01 viên và 01 gói đựng 02 viên là ma túy, có tổng khối lượng 0,289 gam, loại Methamphetamine.

Về nguồn gốc số ma túy bị cáo khai: Khoảng 22 giờ ngày 11/5/2021, tại nhà Giáp Văn H, Nguyễn Thị T đưa cho V 02 gói giấy bạc màu trắng bên trong có 03 viên nén màu hồng- đỏ, bảo V đến nhà chị P ở Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh B đổi lấy ma túy đá về sử dụng. V đồng ý và cất số ma túy vào túi quần phía trước bên trái đang mặc, nhưng T lại bảo với V là không cần đổi nữa mà lấy thêm ma túy đá về sử dụng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của T chở V đến nhà P. Khi đến đầu ngõ lối rẽ vào nhà P thì T dừng xe để V đi vào, còn T đi về nhà. V đi đến cổng nhà P gọi "Chị P ơi" thì thấy 01 nam thanh niên cởi trần, mặc quần đùi đi ra. Lúc này, V nói với người nam thanh niên này đến lấy đồ chỗ T, người thanh niên này đi vào vài Pt rồi quay ra đưa cho V 02 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất ma túy tổng hợp dạng đá. V cầm số ma túy này cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc cùng với 02 gói giấy bạc chứa 03 viên nén màu hồng đỏ là ma túy tổng hợp trước đó rồi đi ra phía đầu ngõ thì bị bắt.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ ngày 11/11/2020 đến ngày 11/5/2021, V đã 04 lần T hiện hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" trên địa bàn huyện V, tỉnh B. Cụ thể như sau:

*** Vụ thứ nhất:** Khoảng 23 giờ ngày 11/11/2020, V đang ở nhà thì anh Hg Văn M và anh Nguyễn Việt Hà đến xin ngủ nhờ, V đồng ý (V và anh Hà quen biết nhau từ trước). Khoảng 08 giờ ngày 12/11/2020, V hỏi mượn anh M chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Ari Blade, biển kiểm soát 12B1- 029.89 để đi làm chứng minh thư, khi nào làm xong sẽ mang xe về trả, anh M đồng ý. Sau đó, anh M giao xe và nói cho V biết giấy tờ để ở trong cốp xe nên V điều khiển chiếc xe mô tô của anh M đi làm chứng minh thư. Trên đường đi, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên V nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô mượn của anh M đi cầm cố. Để T hiện ý định, V không đi làm chứng minh thư nữa mà điều khiển xe đến nhà anh Tạ Quang P nói dối anh P là xe của mình và nhờ P mang xe đi cầm cố giúp. Anh P đồng ý đi chiếc

xe mô tô biển kiểm soát 12B1- 029.89 đến nhà bà Giáp Thị T đặt chiếc xe, đăng ký xe của anh M lại làm tin, vay của bà T số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh P mang toàn bộ số tiền 12.000.000 đồng về nhà mình giao lại cho V. Toàn bộ số tiền này V đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Ari Blade, biển kiểm soát 12B1- 029.89 trị giá 15.000.000 đồng.

*** Vụ thứ hai:** Khoảng 08 giờ ngày 21/12/2020, V đang ở nhà thì có bạn là anh Giáp Văn P điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 98K1- 122.43 đến chơi. Tại đây, V xin anh P 10.000 đồng và mượn anh P chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 122.43 để đi mua thuốc lá, anh P đồng ý. Sau đó, anh P đưa cho V số tiền 10.000 đồng và giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 122.43 của mình cho V. Trên đường đi mua thuốc lá, V nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh P đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để T hiện ý định, V không đi mua thuốc lá nữa mà điều khiển chiếc xe mô tô của anh P đến nhà anh Nguyễn Văn D- sinh năm 1985 ở tổ dân phố Hg Mai 1, thị trấn Nếnh, huyện V, tỉnh B, nói dối anh D là xe của mình và đặt vấn đề vay của anh D số tiền 5.000.000 đồng. Anh D đồng ý cho V vay số tiền 5.000.000 đồng và nhận quản lý chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 122.43 do V để lại làm tin. Số tiền cầm cố xe, V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn D khai, sau khi cầm cố chiếc xe được một thời gian thì V đã đến trả tiền và lấy lại xe. Tuy nhiên, V không thừa nhận việc đã chuộc chiếc xe này mà khẳng định anh D vẫn là người quản lý xe. Cơ quan điều tra đã yêu cầu đối chất nhưng cả anh D và V đều từ chối nên không có căn cứ để tiếp tục xác minh, làm rõ. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76 ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 98K1- 122.43 trị gá 13.000.000 đồng.

*** Vụ thứ ba:**Khoảng 11 giờ 30 Pt ngày 27/01/2021, anh Nguyễn Văn D điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98K1- 252.94 đến nhà anh Tạ Quang P chơi thì gặp V cũng đến chơi tại nhà anh P. Tại đây, V hỏi mượn anh D chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 252.94 để đi giải quyết công việc cá nhân. Do quen biết V từ trước, anh D tin tưởng giao xe cho V mượn nên V điều khiển chiếc xe mô tô của anh D đi giải quyết công việc cá nhân. Trên đường đi, V nảy sinh ý định mang chiếc xe mượn được của anh D đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để T hiện ý định, V điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 252.94 đến nhà anh Nguyễn Văn Hóa, thì gặp anh Đỗ Danh T- sinh năm 1991 ở cùng Thôn C, xã V cũng đến nhà anh Hóa chơi. Tại đây, V nói dối anh T là chiếc xe mô tô 98K1- 252.94 là của mình, mới mua lại và đặt vấn đề nhờ anh T mang chiếc xe mô tô của anh D đi cầm cố. Do tin tưởng đó là xe của V, anh T điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 252.94 đến nhà bà Giáp Thị T đặt xe lại làm

tin để vay số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó, anh T mang toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng về nhà anh P giao lại cho V. Toàn bộ số tiền này V đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77 ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98K1- 252.94 có trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

*** Vụ thứ tư:** Khoảng 19 giờ ngày 01/3/2021, anh Đào Xuân P đang ngồi trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98K7-4006 của mình dừng ở bên đường đối diện nhà V thì V tiến đến hỏi anh P cho V mượn xe để đi lấy điện thoại. Do là bạn bè quen biết nên anh P đồng ý cho V mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K7- 4006 và đưa chìa khóa xe cho V. Trên đường đi lấy điện thoại, V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Để T hiện ý định, V không đi lấy điện thoại nữa mà điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soat 98K7- 4006 đến nhà bà Giáp Thị T. V hỏi vay bà T số tiền 3.500.000 đồng và để chiếc xe mô tô này lại làm tin. V nói với bà T đây là xe mô tô của V nên bà T đồng ý cho V vay tiền. Toàn bộ số tiền 3.500.000 đồng vay được của bà T, V đã tiêu sài hết

Quá trình điều tra, bà Giáp Thị T khai, sau khi cầm cố chiếc xe 98K7- 4006 được một thời gian thì V đến trả tiền và lấy lại chiếc xe này. Tuy nhiên, V không thừa nhận việc đã chuộc lại xe mà khẳng định bà T vẫn quản lý chiếc xe này. Cơ quan điều tra đã yêu cầu đối chất nhưng cả bà T và V đều từ chối nên không có căn cứ để tiếp tục xác minh, làm rõ. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 80 ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, biển kiểm soát 98K7- 4006 có trị gá 7.000.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 07/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Vvề tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không khai báo bất ký tình tiết, thông tin nào. Sau khi đại diện Viện kiểm sát công bố lời khai, các tài liệu chứng cứ buộc tội bị cáo, bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Vphạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn V từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 27/01/2021.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn V từ 30 đến 32 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 27/01/2021.

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là từ 45 đến 50 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 12/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm bồi thường anh Hg Văn M 12.000.000VNĐ (mười hai triệu đồng); bồi thường anh Giáp Văn P số tiền 13.000.000 VNĐ (mười ba triệu đồng); bồi thường anh Nguyễn Văn D số tiền 7.500.000VNĐ (bẩy triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường anh Đào Xuân P 6.000.000VNĐ (Sau triệu đồng).

Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sư sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Nguyễn Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "QT".

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã T hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn V không khai, không công nhận hoặc phản đối lời khai ban đầu. Hội đồng xét xử thấy rằng những lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định:

Vào hồi 22 giờ 30 Pt ngày 11/5/2021, tại Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh B, Nguyễn Văn V có hành vi tàng trữ trái 0,410 gam phép ma túy Methamphetamine.

Khoảng 08 giờ ngày 12/11/2020, tại nhà ở của V ở thôn Đầu, xã T, huyện V, tỉnh B. Bị cáo đã mượn anh Hg Văn M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 12B1- 029.89 trị giá 15.000.000 đồng nhưng sau đó không trả mà mang đi cầm cố trái pháp luật dẫn đến mất khả năng trả lại tài sản.

Khoảng 08 giờ ngày 21/12/2020, tại nhà ở của V ở thôn Đầu, xã T, huyện V, tỉnh B. Bị cáo đã mượn anh Giáp Văn P 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 98K1-122.43 trị giá 13.000.000 đồng nhưng sau đó không trả mà mang đi cầm cố trái pháp luật dẫn đến mất khả năng trả lại tài sản.

Khoảng 11 giờ 30 Pt ngày 27/01/2021, tại nhà anh Tạ Quang P ở thôn Đầu, xã T, huyện V, tỉnh B. Nguyễn Văn V mượn anh Nguyễn Văn D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98K1-122.43 trị giá 10.000.000 đồng nhưng sau đó không trả mà mang đi cầm cố trái pháp luật dẫn đến mất khả năng trả lại tài sản.

Khoảng 19 giờ ngày 01/3/2021, tại khu vực sườn đường đối diện nhà ở của V ở thôn Đầu, xã T, huyện V, tỉnh B. Bị cáo đã mượn Đào Xuân P 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98K7- 4006 trị giá 7.000.000 đồng nhưng sau đó không trả mà mang đi cầm cố trái pháp luật dẫn đến mất khả năng trả lại tài sản.

Như vậy Nguyễn Văn V đã T hiện 04 hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 45.000.000 đồng.

Khi T hiện các hành vi nêu trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy và quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo T hiện hành vi với lỗi cố ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn V đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tiền án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho cả 02 tội.

Đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" bị cáo T hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo không khai báo, nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải" được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã đề xuất.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân, tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị hại là phù hợp cần được chấp nhận. Do đó cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường anh Hg Văn M số tiền 12.000.000; bồi thường anh Giáp Văn P số tiền 13.000.000 đồng; bồi thường anh Nguyễn Văn D số tiền 7.500.000 đồng; bồi thường anh Đào Xuân P số tiền 6.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy. Điện thoại thu của bị cáo không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí, được quyền kháng cáo theo quy định.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án này, những người bị cáo khai đã đưa ma túy cho bị cáo, đèo bị cáo đi mua ma túy, bán ma túy cho bị cáo là anh Trần Quốc T; chị Nguyễn Thị T và đối tượng tên P. Không có đủ căn cứ để xác định T, T, P và M có liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo. Cơ quan điều tra tách nội dung này ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

Anh Tạ Quang P, anh Đỗ Danh Tlà những người được bị cáo nhờ cầm cố hộ tài sản nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có. Bà Giáp Thị T, anh Nguyễn Văn D là những người đã nhận cầm cố tài sản mà bị cáo chiếm đoạt nhưng không biết tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý những người này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 18 (mười tám) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm g, Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 32 (ba mươi hai) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 50 (năm mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm bồi thường anh Hg Văn M 12.000.000VNĐ (mười hai triệu đồng); bồi thường anh

Giáp Văn P số tiền 13.000.000 VNĐ (mười ba triệu đồng); bồi thường anh Nguyễn Văn D số tiền 7.500.000VNĐ (bẩy triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường anh Đào Xuân P 6.000.000VNĐ (Sau triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư ký hiệu QT được niêm phong bằng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh B;
- Viện kiểm sát tỉnh B;
- VKSND huyện V ;
- CA huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vân Nguyễn Thị Lại Thân Văn Hiếu